

- Trắc nghiệm: 15 câu x 1/3 điểm/1 câu = 5,0 điểm
- Tự luận: 3 câu = 5,0 điểm

| TT | Mạch nội dung | Chủ đề/Bài | Mức độ đánh giá | | | | | | Tổng | | |
|-------------|-----------------------|--------------------------------|-----------------|----------|------------|----------|-----------|----------|--------|----|-----------|
| | | | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Số câu | | Tổng điểm |
| | | | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | |
| 1 | Giáo dục đạo đức | Bài 7: Thích ứng với thay đổi. | 5 1,65 | 1 1,0 | 2 0,66 | | 1 0,33 | 1 2,0 | 8 | 2 | 5.64 |
| 2 | Giáo dục kỹ năng sống | Bài 8: Tiêu dùng thông minh. | 4 1,32 | | 1 0,33 | 1 2,0 | 2 0,66 | | 7 | 1 | 4.31 |
| Tổng số câu | | | 9 | 1 | 3 | 1 | 3 | 1 | 15 | 3 | 10 |
| Tỉ lệ % | | | 30 | 10 | 10 | 20 | 10 | 20 | 50 | 50 | |
| Tỉ lệ chung | | | 40 | | 30 | | 30 | | 100 | | |

| TT | Nội dung/chủ đề/bài | Mức độ đánh giá | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | |
|-------------|-----------------------------------|---|----------------------------------|------------|----------|
| | | | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng |
| 1 | Bài 7. Thích ứng với thay đổi. | Nhận biết: - Nêu được khái niệm thích ứng với thay đổi. - Nêu được ý nghĩa của việc thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống. - Nêu được việc chúng ta nên làm khi đối mặt với khó khăn thử thách. Thông hiểu: - Nêu được biểu hiện của người thích ứng tốt với thay đổi. - Chỉ ra được cách điều chỉnh bản thân để thích ứng với sự thay đổi. - Chỉ ra biện pháp có thể giúp mỗi người thích ứng với thay đổi trong cuộc sống. Vận dụng: - Nêu được kỹ năng cần rèn luyện để thích ứng với sự thay đổi. - Giải quyết tình huống cụ thể. | 6 | 2 | 2 |
| 2 | Bài 8. Tiêu dùng thông minh. | Nhận biết: Nêu được khái niệm, ý nghĩa của tiêu dùng thông minh. Thông hiểu: - Chỉ ra được cách tiêu dùng thông minh. - Chỉ ra hành vi tiêu dùng kém thông minh trong các hành vi tiêu dùng cụ thể. Vận dụng: - Nêu được cách vận dụng tiêu dùng thông minh để sử dụng các sản phẩm đảm bảo an toàn, hiệu quả. - Nêu được cách xử lý tình huống cụ thể. | 4 | 2 | 2 |
| Tổng | | | 10 | 4 | 4 |
| Tỉ lệ % | | | 40 | 30 | 30 |
| Tỉ lệ chung | | | 100% | | |

| | | |
|--|---|-----------------|
| UBND XÃ QUẾ SƠN TRUNG TRƯỜNG THCS QUẾ THUẬN Họ và tên: Lớp: 9/... | KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II Năm học 2025-2026 Môn: GDCD 9 Thời gian: 45 phút (Không kể thời gian giao đề) | Duyệt TCM: |
| | | Chữ ký giám thị |

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Chọn một phương án trả lời đúng của mỗi câu và ghi vào phần trả lời.

Câu 1. Những thay đổi đến từ môi trường có thể xảy ra với mỗi cá nhân và gia đình là

- A. thiên tai, biến đổi khí hậu.
- B. mất mát người thân.
- C. thay đổi thu nhập.
- D. phát triển khoa học công nghệ.

Câu 2. Thích ứng với thay đổi trong cuộc sống là gì?

- A. Bình tĩnh điều chỉnh suy nghĩ và hành động phù hợp hoàn cảnh.
- B. Luôn giữ nguyên suy nghĩ và hành động như trước đây.
- C. Trốn tránh mọi khó khăn và thay đổi xung quanh mình.
- D. Phản ứng tiêu cực trước mọi biến động xảy ra.

Câu 3. Thái độ nào giúp con người thích ứng tốt hơn với thay đổi?

- A. Luôn giữ suy nghĩ tiêu cực trước hoàn cảnh mới.
- B. Sẵn sàng học hỏi và thay đổi để tiến bộ.
- C. So sánh bản thân với người khác rồi tự ti.
- D. Né tránh thử thách vì sợ gặp thất bại.

Câu 4. Biểu hiện của người biết thích ứng với thay đổi là

- A. luôn than phiền khi hoàn cảnh sống bị thay đổi.
- B. đổ lỗi cho người khác khi gặp khó khăn.
- C. từ chối tham gia khi có sự thay đổi kế hoạch.
- D. chủ động học hỏi kỹ năng mới để phù hợp hoàn cảnh.

Câu 5. Việc thích ứng tốt với thay đổi sẽ giúp mỗi người

- A. Dễ dàng thành công mà không cần nỗ lực thêm.
- B. Luôn né tránh được mọi khó khăn trong cuộc sống.
- C. Tăng khả năng vượt qua khó khăn và thử thách.
- D. Không cần phải hợp tác với người xung quanh.

Câu 6. Khi gia đình gặp khó khăn về kinh tế, học sinh nên

- A. Bỏ học để đi làm kiếm tiền phụ giúp gia đình.
- B. Chán nản và buông xuôi việc học tập của mình.
- C. Cố gắng học tốt và chia sẻ việc nhà cùng cha mẹ.
- D. So sánh hoàn cảnh mình với người khác rồi tự ti.

Câu 7. Khi chuyển sang môi trường học tập mới, em nên

- A. Giữ khoảng cách và không giao tiếp với bạn mới.
- B. Chủ động làm quen và hòa nhập với tập thể.
- C. So sánh trường mới với trường cũ rồi thất vọng.
- D. Phản ứng tiêu cực trước những nội quy mới.

Câu 8. Khi kết quả học tập giảm sút, em cần

- A. Chán nản và buông xuôi việc học của mình.
- B. Đổ lỗi hoàn toàn cho hoàn cảnh xung quanh.
- C. Tìm nguyên nhân và điều chỉnh phương pháp học.
- D. Che giấu kết quả vì sợ bị phê bình.

Câu 9. Tiêu dùng thông minh là

- A. Mua sắm theo sở thích cá nhân không cần suy nghĩ.
- B. Mua hàng theo lời rủ rê của bạn bè.
- C. Chỉ mua những sản phẩm có giá cao nhất.
- D. Lựa chọn hàng hóa phù hợp nhu cầu và khả năng.

Câu 10. Khi lựa chọn sản phẩm, người tiêu dùng nên

- A. So sánh giá cả và chất lượng trước khi quyết định.
- B. Tin hoàn toàn vào quảng cáo trên mạng xã hội.
- C. Chọn hàng theo hình thức bên ngoài bắt mắt.
- D. Mua ngay khi thấy nhiều người cùng lựa chọn.

Câu 11. Việc lập kế hoạch chi tiêu giúp

- A. Sử dụng tiền hợp lý và tránh lãng phí.
- B. Chi tiêu tùy ý mà không cần cân nhắc.
- C. Mua sắm theo cảm xúc nhất thời của mình.
- D. Phụ thuộc hoàn toàn vào sự hỗ trợ gia đình.

Câu 12. Hành vi nào sau đây thể hiện tiêu dùng chưa thông minh?

- A. Tìm hiểu nguồn gốc sản phẩm trước khi mua.
- B. Mua hàng khuyến mãi dù không có nhu cầu.
- C. Ưu tiên sản phẩm có chất lượng đảm bảo.
- D. Tham khảo ý kiến người thân trước khi chọn.

Câu 13. Khi thấy quảng cáo hấp dẫn trên mạng, em nên

- A. Tin tưởng hoàn toàn vào nội dung quảng cáo.
- B. Đặt mua ngay vì giá đang được giảm sâu.
- C. Tìm hiểu thông tin sản phẩm trước khi mua.
- D. Mua theo trào lưu để không bị lạc hậu.

Câu 14. Hành động nào thể hiện tiêu dùng có trách nhiệm?

- A. Giữ gìn và sử dụng sản phẩm đúng cách.
- B. Thay mới đồ dùng khi chưa thật sự cần.

C. Mua nhiều hàng giảm giá dù không sử dụng.

D. Chọn sản phẩm chỉ vì bao bì bắt mắt.

Câu 15. Để trở thành người tiêu dùng thông minh, học sinh cần

A. Chỉ chọn sản phẩm nổi tiếng mà không tìm hiểu.

B. Mua sắm theo trào lưu để không bị lạc hậu.

C. Tiêu hết tiền được cho trong thời gian ngắn.

D. Rèn luyện thói quen tiết kiệm và chi tiêu hợp lí.

II. PHẦN TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu 1 (1.0 đ): Em hãy nêu khái niệm thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.

Câu 2 (2.0 đ): Vì sao mỗi người cần phải biết thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống?

Câu 3 (2.0 đ): Đầu năm học, thấy bạn bè có điện thoại mới, H cũng đòi bố mẹ mua cho mình một chiếc điện thoại đắt tiền dù gia đình không khá giả.

a) Em nhận xét hành vi của H. (1.0 điểm)

b) Nếu là H, em sẽ làm gì? (1.0 điểm)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5đ) Mỗi câu đúng 0,33đ

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| Đáp án | A | C | A | B | C | C | D | C | B | A | D | B | A | D | C |

II. PHẦN TỰ LUẬN

| Câu | Nội dung | Điểm |
|----------------------------|---|--|
| Câu 1 <i>(1,0 điểm)</i> | Thích ứng với thay đổi là khả năng điều chỉnh suy nghĩ, cảm xúc và hành vi của bản thân để phù hợp với những hoàn cảnh, điều kiện mới. | 1,0 điểm |
| Câu 2 <i>(2,0 điểm)</i> | Mỗi người cần phải biết thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống, vì: - Cuộc sống luôn vận động và thay đổi không ngừng. - Biết thích ứng giúp chúng ta giảm bớt căng thẳng, lo lắng trước khó khăn. - Giúp cá nhân chủ động, tự tin, tìm ra cách giải quyết phù hợp. - Tạo cơ hội phát triển bản thân và đạt kết quả tốt hơn trong học tập, cuộc sống. <i>(Học sinh có thể nêu theo suy nghĩ cá nhân, biết vận dụng kiến thức đã học, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật)</i> | 0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm |
| Câu 3 <i>(2,0 điểm)</i> | a) Nhận xét: - Hành vi của H là chưa biết tiêu dùng thông minh. - Chạy theo bạn bè, chưa phù hợp với điều kiện kinh tế gia đình. b) Cách xử lý: - Cân nhắc nhu cầu thực sự của bản thân. - Trao đổi với bố mẹ, lựa chọn sản phẩm phù hợp với khả năng tài chính hoặc chưa cần thiết thì chưa mua. | 0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm |

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5đ) Mỗi câu đúng 0,5 đ

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| Đáp án | A | C | A | B | C | C | D | C | B | A | D | B | A | D | C |

- Học sinh chỉ cần làm 10/15 câu trắc nghiệm, mỗi câu đúng 0,5đ.

- Nếu học sinh làm đúng cả 15 câu, điểm tối đa phần trắc nghiệm vẫn là 5đ.

II. PHẦN TỰ LUẬN

| Câu | Nội dung | Điểm |
|---------------------|--|----------|
| Câu 1 (1,0 điểm) | Thích ứng với thay đổi là khả năng điều chỉnh suy nghĩ, cảm xúc và hành vi của bản thân để phù hợp với những hoàn cảnh, điều kiện mới. <i>HS chỉ cần nêu được ý hiểu đơn giản. Nêu đúng ý chính: 1,0 điểm Nêu được một phần ý: 0,5 điểm</i> | 1,0 điểm |
| Câu 2 (2,0 điểm) | Mỗi người cần phải biết thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống, vì: - Cuộc sống luôn vận động và thay đổi không ngừng. - Biết thích ứng giúp chúng ta giảm bớt căng thẳng, lo lắng trước khó khăn. - Giúp cá nhân chủ động, tự tin, tìm ra cách giải quyết phù hợp. - Tạo cơ hội phát triển bản thân và đạt kết quả tốt hơn trong học tập, cuộc sống. <i>HS chỉ cần nêu 2 ý bất kì. Mỗi ý đúng: 1,0 điểm.</i> | 2,0 điểm |
| Câu 3 (2,0 điểm) | a) Nhận xét: - Hành vi của H là chưa biết tiêu dùng thông minh. - Chạy theo bạn bè, chưa phù hợp với điều kiện kinh tế gia đình. <i>HS chỉ cần nêu 1 ý bất kì. Mỗi ý đúng: 1,0 điểm.</i> b) Cách xử lí: - Cân nhắc nhu cầu thực sự của bản thân. - Trao đổi với bố mẹ, lựa chọn sản phẩm phù hợp với khả năng tài chính hoặc chưa cần thiết thì chưa mua. <i>HS chỉ cần nêu 1 ý bất kì. Mỗi ý đúng: 1,0 điểm.</i> | 2,0 điểm |

Lưu ý:

- Chấp nhận câu trả lời ngắn, chưa trọn vẹn câu nhưng đúng ý.
- Không bắt buộc trình bày đầy đủ như học sinh bình thường.
- Ưu tiên đánh giá mức độ hiểu nội dung chính.